

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Thực tế trong tình hình hiện nay, sự tồn tại của một doanh nghiệp chịu tác động của rất nhiều yếu tố khách quan cũng như chủ quan, đòi hỏi công tác kế toán phải có sự điều chỉnh thường xuyên, phù hợp với yêu cầu đặt ra nhưng phải mang tính chính xác và kịp thời. Vì thế các doanh nghiệp luôn đặt vấn đề hạch toán doanh thu và kết quả kinh doanh như là một nhiệm vụ thiết thực nhất, có tính chất xuyên suốt trong tất cả các khâu hoạt động của doanh nghiệp. Dù bất kỳ một loại hình doanh nghiệp nào, qui mô kinh doanh ra sao thì hạch toán doanh thu và kết quả kinh doanh cũng được chú trọng.

Vì vậy qua quá trình thực tập tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT đã cho tôi hiểu thêm nhiều về thực tiễn công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh trong công ty, vì vậy tôi đã chọn đề tài **“KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT”** làm chuyên đề tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu đề tài

Hệ thống cơ sở lý luận về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Tìm hiểu khái quát tình hình cơ bản của công ty. Tìm hiểu thực trạng kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT, từ đó tìm ra những khó khăn, thuận lợi, điểm mạnh yếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Đưa ra những biện pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

3. Đối tượng nghiên cứu đề tài

Thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT.

4. Phạm vi nghiên cứu đề tài

-Về không gian: Tại phòng kế toán của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT.

-Về thời gian: Nghiên cứu tình hình lao động, tài sản và nguồn vốn, kết quả sản xuất kinh doanh của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT trong 3 năm 2009-2011. Nhưng do thời gian nghiên cứu có hạn nên tôi chỉ tập trung số liệu phục vụ cho việc nghiên cứu thực trạng tháng 12 năm 2011.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Phương pháp so sánh: Là phương pháp nghiên cứu sự biến động của các chỉ tiêu về số lượng và tỉ trọng qua các kỳ phân tích để từ đó xác định vị trí cũng như tốc độ tăng trong kỳ của đơn vị.

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: Là phương pháp hỏi trực tiếp những cô chú, anh chị, những đối tượng cung cấp thông tin, dữ liệu cần thiết cho đề tài. Phương pháp này sử dụng trong giai đoạn thu thập thông tin và những số liệu thô có liên quan đến đề tài.

Phương pháp phân tích kinh tế: Bao gồm các phương pháp so sánh, đối chiếu và đánh giá các mối quan hệ để xác định tính hợp lí của thông tin tài chính với nhau và quan hệ giữa thông tin tài chính và phi tài chính.

Phương pháp kế toán: Là việc phân tích các chứng từ, sổ sách kế toán và các nghiệp vụ cụ thể.

Và một số phương pháp khác...

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Tình hình hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT

Chương 3: Biện pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Khái niệm

1.1.1 . Tiêu thụ

Tiêu thụ là quá trình đưa các loại sản phẩm đã sản xuất ra thị trường lưu thông nhằm thực hiện giá trị của chúng thông qua hình thức bán hàng.

1.1.2 . Xác định kết quả kinh doanh

Xác định kết quả kinh doanh là việc tính toán, so sánh tổng thu nhập thuần từ các hoạt động với chi phí sản xuất kinh doanh và chi phí khác trong kỳ. Nếu tổng thu nhập thuần lớn hơn tổng chi phí trong kỳ thì doanh nghiệp có kết quả lãi và ngược lại

1.2 . Kế toán doanh thu

Doanh thu là tổng lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Khái niệm

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá,

cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

1.2.1.2. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Ghi nhận doanh thu khi hàng hoá dịch vụ đã giao, đã cung cấp cho khách hàng (và khách hàng đã thanh toán tiền hàng hay chấp nhận thanh toán).

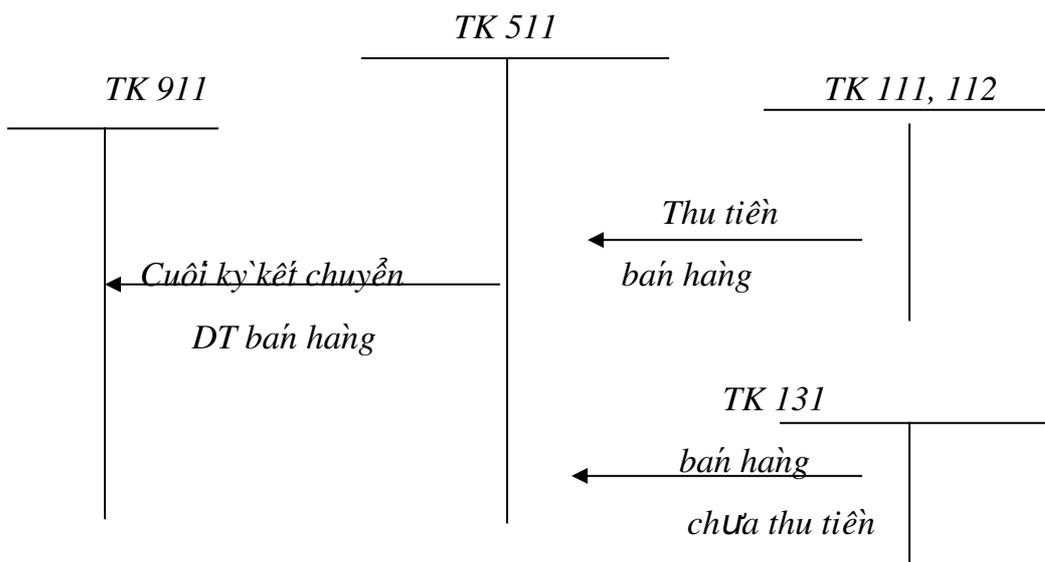
Đối với hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và tính theo phương pháp khấu trừ thì ghi nhận doanh thu theo giá chưa có thuế GTGT, nếu tính theo phương pháp trực tiếp thì ghi nhận doanh thu theo giá có thuế GTGT.

1.2.1.3. Tài khoản sử dụng: TK511, TK512

1.2.1.4 . Hệ thống chứng từ

- ✓ Hoa đơn bán hàng
- ✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng...
- ✓ Sổ chi tiết: sổ chi tiết bán hàng hoặc sổ nhật ký bán hàng. Kế toán mở chi tiết cho từng loại hoạt động
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái các tài khoản 111, 112, 131, 511, 911

1.2.1.5. Phương pháp hạch toán



1.2.2. Doanh thu hoạt động tài chính

1.2.2.1. Nội dung

Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc do kinh doanh bao gồm:

Tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán.

Cổ tức lợi nhuận được chia

Thu nhập về đầu tư mua bán chứng khoán

Thu nhập về thu hồi hay thanh lý các khoản góp vốn liên doanh

Thu nhập về các khoản đầu tư khác

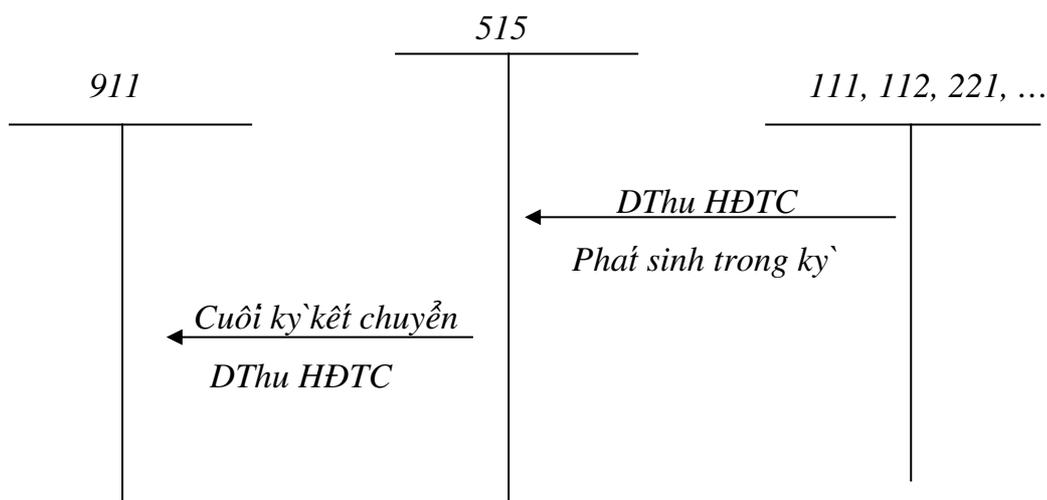
Lãi tỷ giá, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ...

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng: TK515

1.2.2.3. Hệ thống chứng từ

- ✓ Hoa đơn bán hàng
- ✓ Phiếu tính lãi
- ✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán doanh thu hoặc mở sổ kế toán chi tiết tài khoản 515
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái các tài khoản có liên quan.

1.2.2.4. Phương pháp hạch toán



1.2.3. Kế toán thu nhập khác

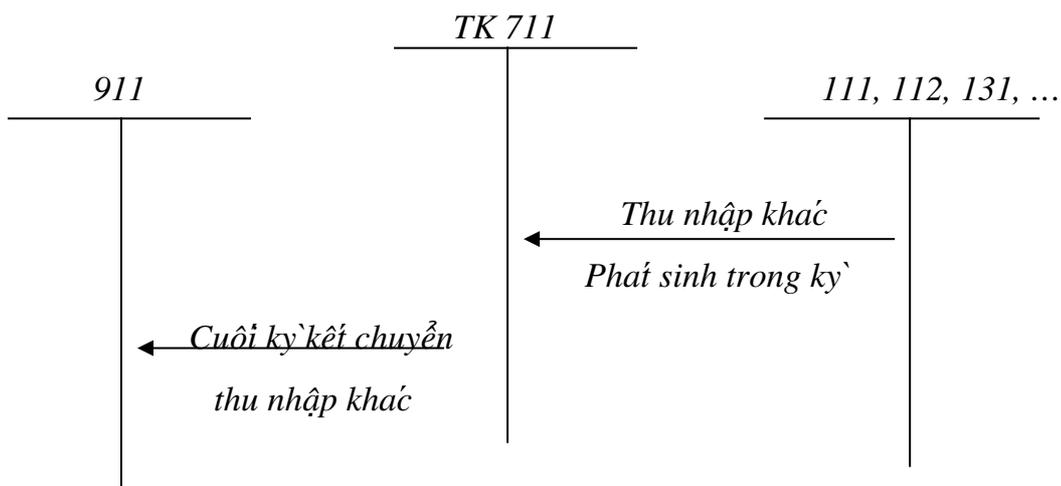
1.2.3.1. Nội dung

Là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp :

Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản
 Thu từ nợ kho đòi đã xóa sổ
 Thu từ khoản nợ phải trả không xác định được chủ
 Thu từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng...

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng: TK711

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán



1.2.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.4.1. Kế toán chiết khấu thương mại

Nội dung: là số giảm trừ cho người mua hàng, khi mua với khối lượng lớn (đã ghi trên hợp đồng hoặc các cam kết mua bán)

Tài khoản sử dụng: TK 521

1.2.4.2. Kế toán hàng bán bị trả lại

Nội dung: là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do vi phạm cam kết, hợp đồng kinh tế, hàng kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại qui cách...

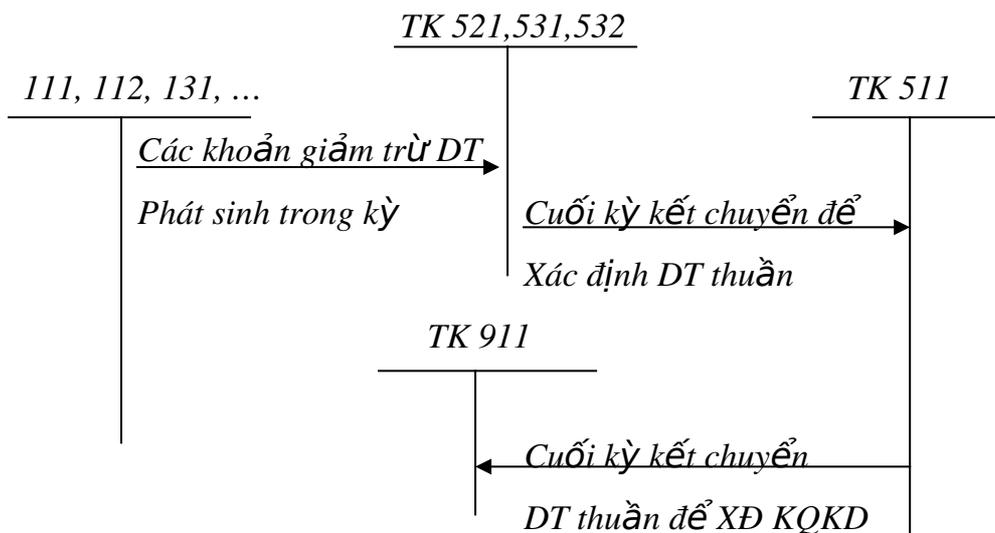
Tài khoản sử dụng: TK 531

1.2.4.3. Kế toán giảm giá hàng bán

Nội dung: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo hợp đồng kinh tế.

Tài khoản sử dụng: TK 532

1.2.4.4. Phương pháp hạch toán



1.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.3.1. Nội dung

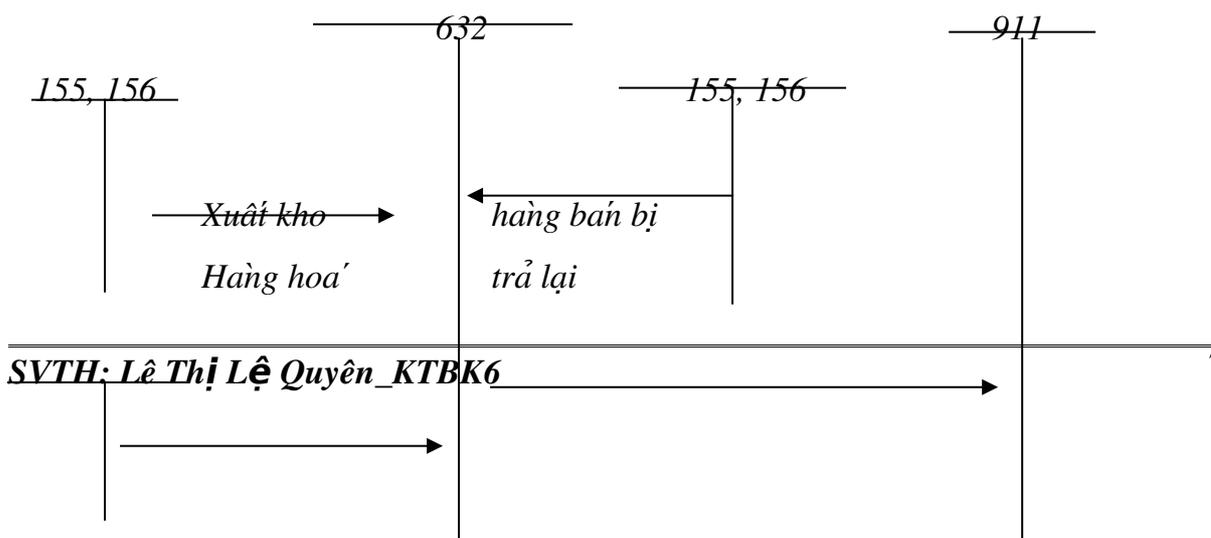
La` giá xuất kho thực tế của hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ` (được xác định theo một trong các phương pháp: giá thực tế đích danh, nhập trước- xuất trước, nhập sau- xuất trước, bình quân gia quyền)

1.3.2. Tài khoản sử dụng: TK 632

1.3.3. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- ✓ Bảng tổng hợp nhập xuất tồn
- ✓ Bảng tính và phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- ✓ Sổ chi tiết: sổ kế toán chi tiết TK 632 và sổ chi tiết hàng hoá có liên quan
- ✓ Sổ tổng hợp

1.3.4. Phương pháp hạch toán



157

cuối kỳ kết chuyển GVHB

Hàng gửi đi bán

Đã xác định tiêu thụ

1.4. Kế toán các khoản chi phí

1.4.1. Kế toán chi phí tài chính

1.4.1.1. Nội dung:

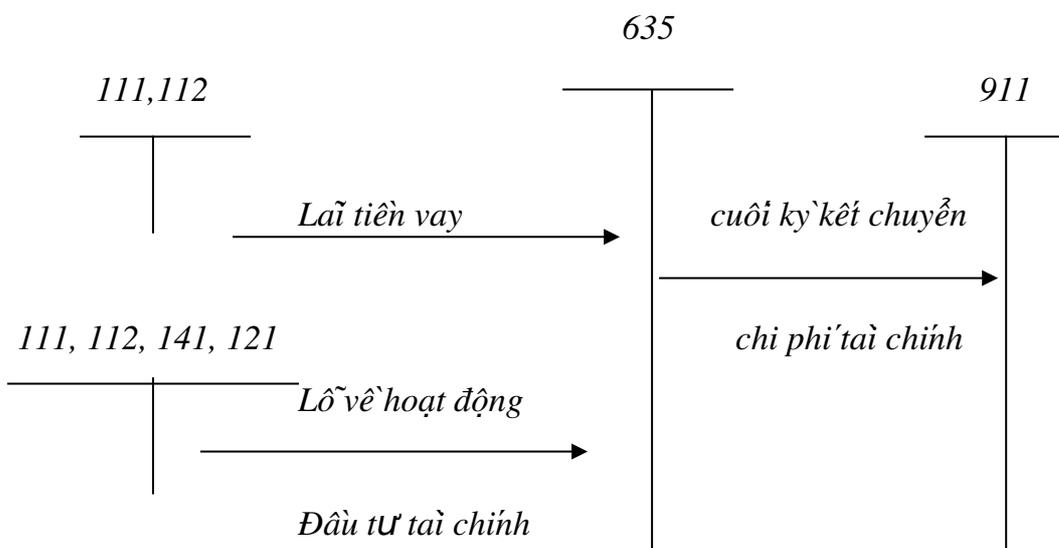
Là những khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính như chi phí đi vay và cho vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

1.4.1.2. Tài khoản sử dụng: TK 635

1.4.1.3. Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu tính lãi
- ✓ Hoa đơn bán hàng
- ✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết TK 635
- ✓ Sổ tổng hợp

1.4.1.4. Phương pháp hạch toán



K/C Chênh lệch tỷ giá

1.4.2. Kế toán chi phí bán hàng

1.4.2.1. Nội dung

La`những chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ như quảng cáo, chào hàng giới thiệu sản phẩm, hoa hồng, bảo hành, đóng gói sản phẩm, vận chuyển...

Bao gồm các yếu tố chi phí:

Chi phí nhân công

Vật liệu, bao bì, công cụ dụng cụ

Chi phí KHTSCĐ

Lao vụ dịch vụ

Các khoản chi bằng tiền...

1.4.2.2. Tài khoản sử dụng: TK 641

1.4.2.3. Chứng từ sử dụng

✓ Bảng lương, bảng phân bổ tiền lương

✓ Phiếu xuất kho

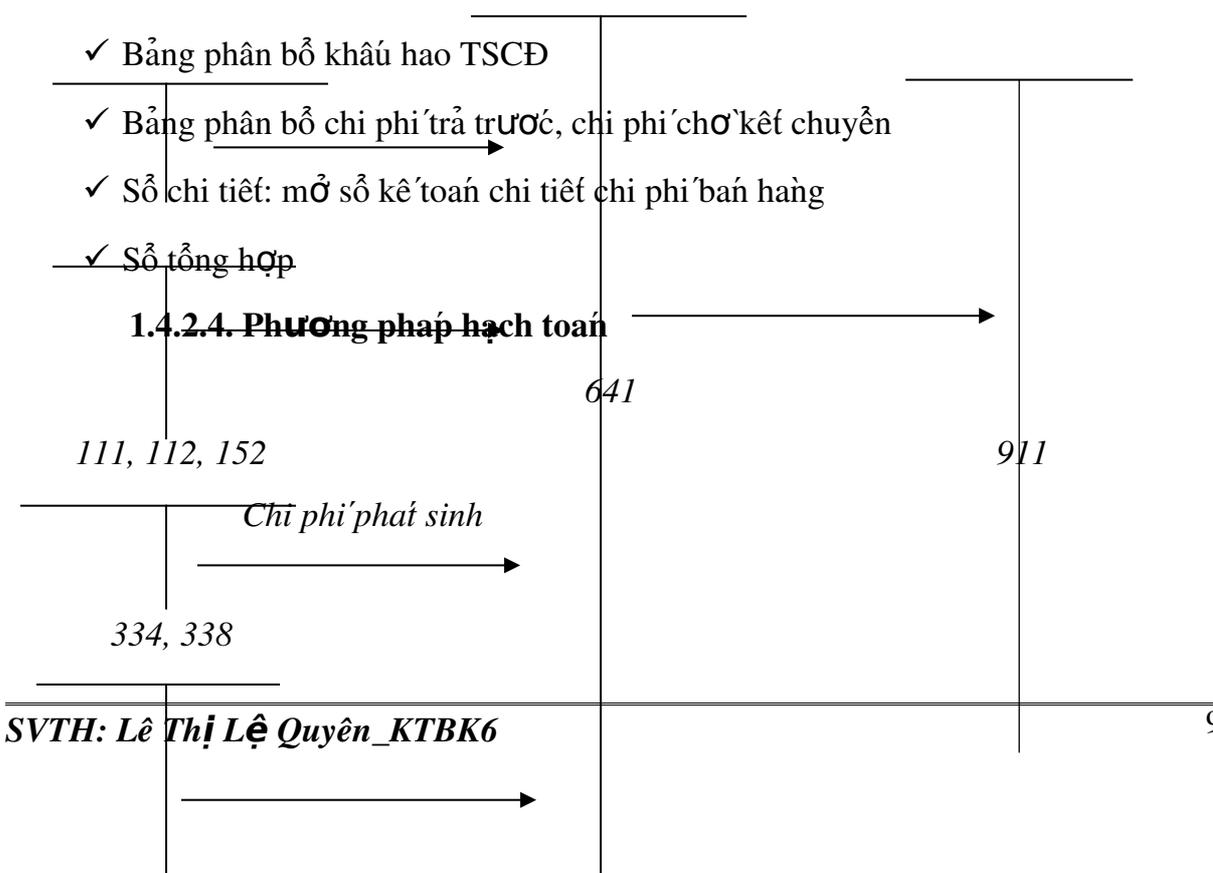
✓ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ

✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước, chi phí chuyển

✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết chi phí bán hàng

✓ Sổ tổng hợp

1.4.2.4. Phương pháp hạch toán



Tiền lương, các khoản

cuối kỳ

Trích theo lương

xác định KQKD

153

CC, DC phục vụ BH

Phân bổ một lần

142

Phân bổ chi phí CCDC

Loại phân bổ nhiều lần

1.4.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

La`những khoản chi phí phục vụ cho quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và các khoản chi phí chung của toàn doanh nghiệp như: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho bộ phận QLDN, chi phí vật liệu đồ dùng văn phòng, Khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN , chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, công tác phí, tàu xe, các loại phí, lệ phí....

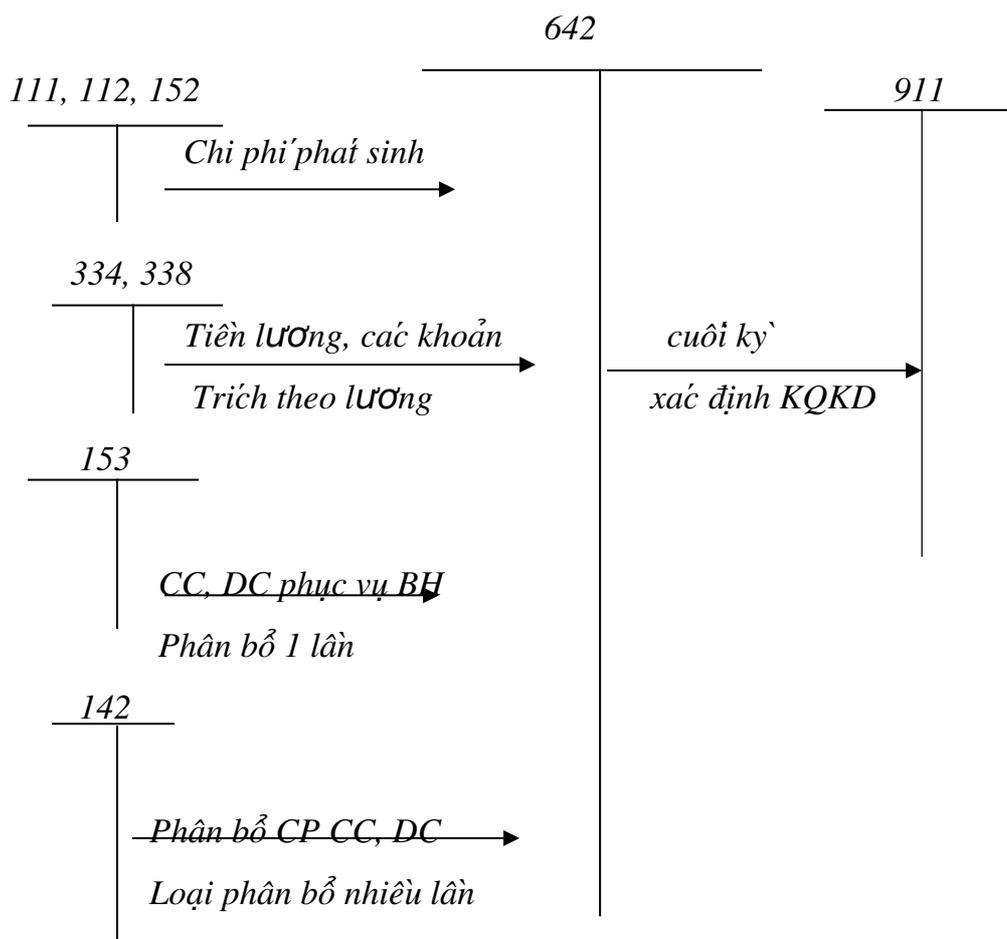
1.4.3.1. Nội dung

1.4.3.2. Tài khoản sử dụng: TK 642

1.4.3.3 Chứng từ sử dụng

- ✓ Bảng lương, bảng phân bổ tiền lương
- ✓ Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ
- ✓ Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ
- ✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước, chi phí chơ`kết chuyển
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết chi phí QLDN
- ✓ Sổ tổng hợp

1.4.3.4 Phương pháp hạch toán



1.4.4. Kế toán chi phí khác

1.4.4.1. Nội dung

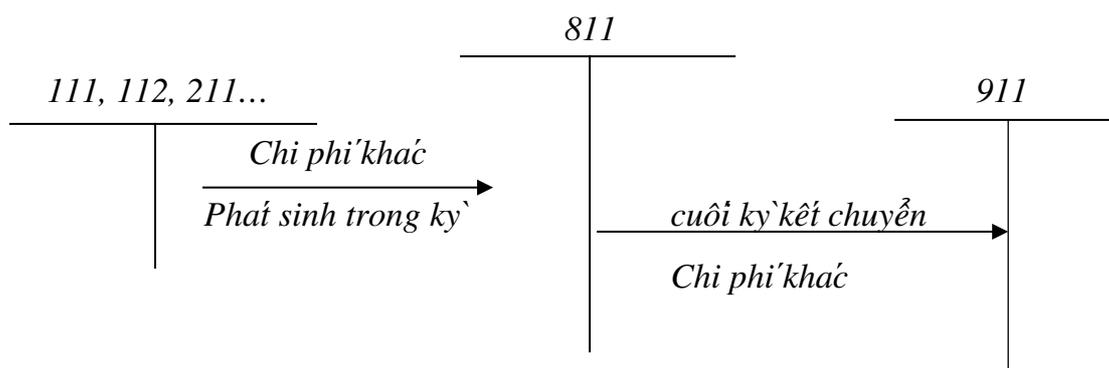
Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của DN, là các khoản lỗ do sự kiện hay nghiệp vụ riêng biệt khác với HĐ thông thường gây ra và chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp. Gồm:

- Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng của khách hàng
- Tiền phạt thuê
- Chênh lệch lỗ do đánh giá TS mang góp vốn liên doanh
- Chi phí thuê thu nhập

1.4.4.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 811: Chi phí khác
- ✓ TK 821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp:

1.4.4.3. Phương pháp hạch toán



1.5. Xác định kết quả kinh doanh

1.5.1. Nội dung

Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm kết quả của các hoạt động:

Hoạt động SXKD

Hoạt động tài chính

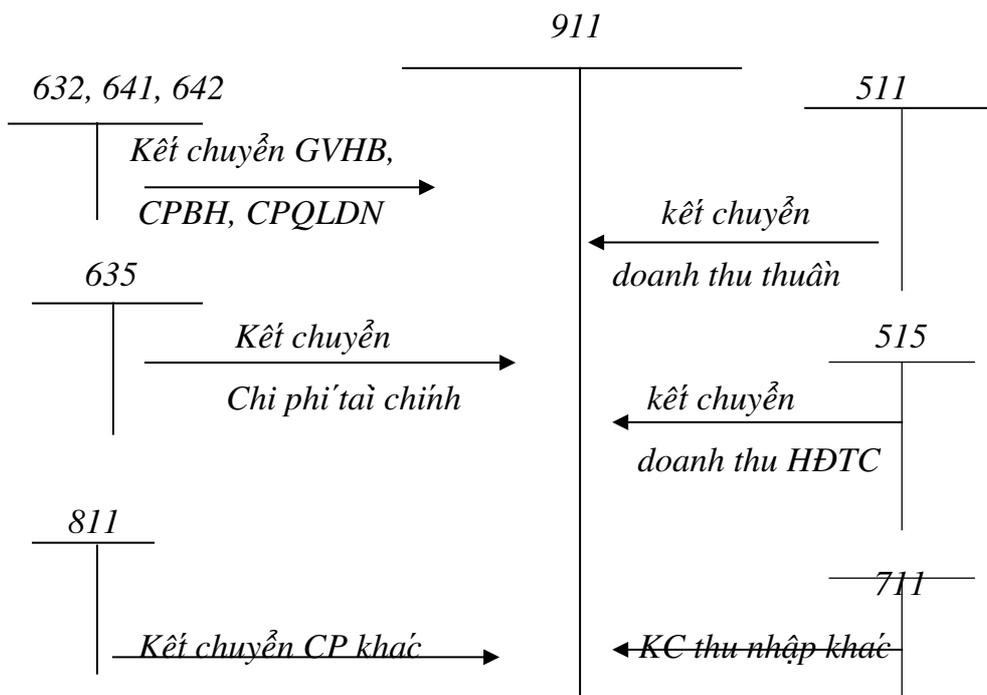
Hoạt động khác

1.5.2. Tài khoản sử dụng: TK 911

1.5.3. Chứng từ sử dụng

- ✓ Hoa đơn bán hàng
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Giấy báo nợ, báo có của ngân hàng
- ✓ Biên bản xử lý tài sản thừa, tài sản thiếu
- ✓ Biên lai thu thuê
- ✓ Chứng từ, giấy báo của bên tổ chức liên doanh

1.5.4. Phương pháp hạch toán



- ↳ Xác định LN kê toán trước thuế'
 - ↳ Thuế TNDN tạm nộp = LN kê toán trước thuế' * thuế suất thuế TNDN
 - ↳ Xác định LN kê toán sau thuế' = LN kê toán trước thuế' - thuế TNDN phải nộp
 - ↳ Kê toán phản ánh số lãi, lỗ
- Nợ TK 911 / Có TK 421 (lãi)
- Hoặc** Nợ TK 421 / Có TK 911 (lỗ)

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HẠCH TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT

2.1. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT

2.1.1. Lịch sử hình thành và quá trình phát triển của công ty

Công ty TNHH MTV nhựa bao bì Việt Phát được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế số: 6541/QĐ-UBND ngày 01/04/2007. Giấy phép kinh doanh số 31000039 do Sở kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 05/04/2007, tại khu công nghiệp Phú Bài. Sau khi khảo sát thị trường và nghiên cứu chất lượng máy móc của dây chuyền, mục tiêu hiệu quả ngay khi đầu tư để đảm bảo sản phẩm sản xuất ra mang tính cạnh tranh cao. Công ty đã chọn mua nhà máy bao bì PP mới được xây dựng của Công ty Thái Hoà, nhà máy đặt tại khu công nghiệp phú bài - Huế, đây là một dây chuyền hoàn chỉnh mới 100% hiện đại tiên tiến, do tính chất phù hợp với thực tế sản xuất và được đưa vào vận hành sử dụng ngay. Tuy Công ty mới hoạt động được hơn 2 năm nhưng do có thị trường tiêu thụ rộng trong nước cũng như nước ngoài, nên công ty đã đứng vững trên thị trường. Công ty chủ yếu sản xuất kinh doanh các mặt hàng như: hạt nhựa, bao bì PP, màng dẹt, bao PE... Cùng với tiến trình xã hội nền sản xuất với mục tiêu đẩy nhanh quá trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước. Đến đầu năm 2009, Công ty đã mở rộng thêm dây chuyền xi măng nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường. Do nhu cầu bao bì PP hàng năm tiêu thụ đều tăng, chủ yếu ở miền Trung là bao bì đóng gói xi măng, đường thực phẩm, gia dụng, bao bì, lượng tiêu thụ mỗi năm khoảng 15000 tấn phần lớn tập trung ở Đà Nẵng, Huế...

- Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT.
- Địa chỉ: Đường số 4 - Khu công nghiệp Phú Bài - Huế
- Tên giao dịch: Vietphat packing and Plastics company limited.
- Số tài khoản: 0032000131224 tại Ngân hàng Vietcombank
- Điện thoại: 054.2242424 Fax: 054.3951323

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

2.1.2.1 Chức năng

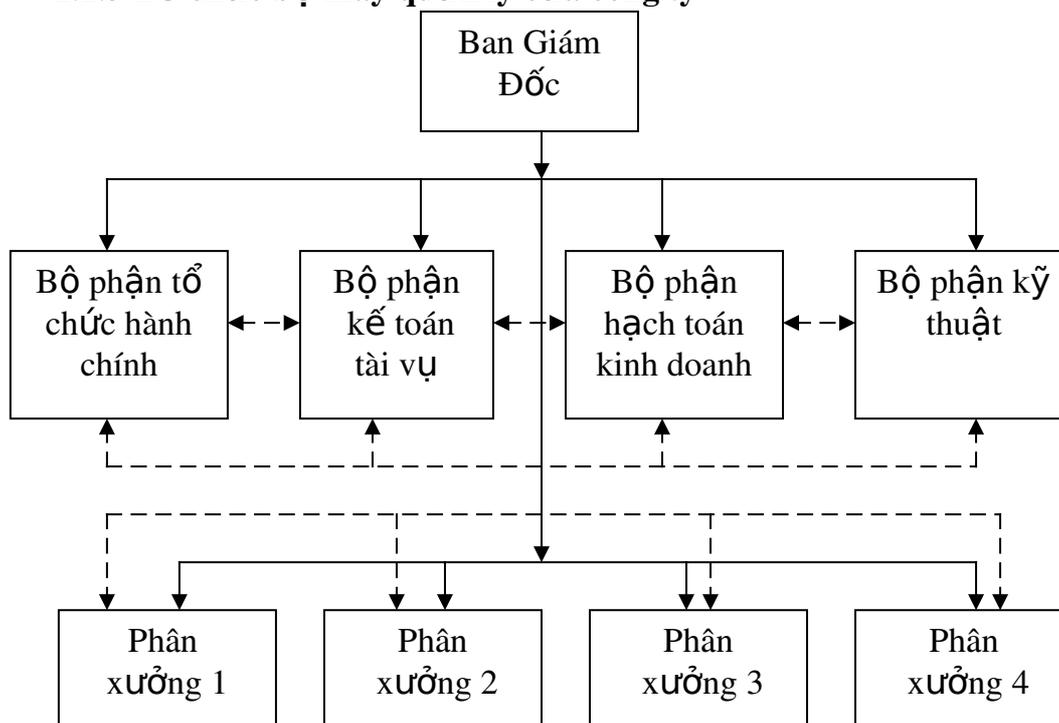
- Công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì Việt Phát với quy mô cung cấp các loại bao gói, bao bì để phục vụ cho các sản phẩm của các nhà máy và nhu cầu đồ dùng sinh hoạt trên thị trường các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế... các nhu cầu trong cả nước và xuất khẩu. Căn cứ tình hình thực tế của công ty có thể kinh doanh và liên kết sản xuất các mặt hàng bao bì nhằm nâng cao lợi nhuận để tiếp tục đầu tư phát triển doanh nghiệp.

2.1.2.2 Nhiệm vụ

- Để đáp ứng được yêu cầu đặc ra, công ty đã khai thác được những mặt hàng nghiên cứu, xác định nhu cầu thị trường về các mặt hàng mà công ty kinh doanh. Từ đó để tìm ra những mặt hàng mang lại hiệu quả cao cho công ty, đồng thời đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

- Một nhân tố không thể không kể đến góp phần rất lớn đến sự phát triển của công ty đó chính là bộ phận lao động. Để có sự trung thành tuyệt đối dốc hết cho sự nghiệp phát triển của công ty, công ty đã có nhiều cố gắng chăm lo đến đời sống tinh thần và không ngừng tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao nghiệp vụ và năng lực công tác.

2.1.3 Tổ chức bộ máy quản lý của công ty



Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy quản lý công ty

Ghi chú:

Quan hệ trực tuyến ←-----→

Quan hệ chức năng —————→

Công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT là đơn vị hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân và có con dấu riêng. Công ty chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi số vốn do Công ty quản lý và sử dụng.

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng và được minh hoạ cụ thể tại Sơ đồ 7.

Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận, các phân xưởng:

- *Ban Giám đốc công ty*: Gồm 01 giám đốc và 01 phó giám đốc. Trong đó giám đốc là người đại diện pháp nhân Công ty, có quyền quyết định, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Công ty. Bảo vệ tài sản, bảo toàn vốn để duy trì và phát triển sản xuất.

- *Bộ phận Tổ chức hành chính*: Tham mưu cho ban giám đốc trong công tác lập kế hoạch về cán bộ, lao động, tiền lương. Hợp tác chặt chẽ với các bộ phận khác trong việc kiểm tra thực hiện Nội quy, quy chế của công ty, đề xuất biện pháp khen thưởng, kỷ luật.

- *Bộ phận Kế toán tài vụ*: Tham mưu và quản lý sử dụng tiền vốn, vật tư hàng hoá phù hợp với đặc điểm kinh doanh ngành hàng và điều lệ của công ty. Hạch toán kịp thời, đầy đủ chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Tổ chức kiểm tra, kiểm soát tài chính thường xuyên các hoạt động kinh doanh của công ty. Đề xuất các biện pháp quản lý về tài chính có hiệu quả. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các chế độ kế toán theo quy định hiện hành của nhà nước.

- **Bộ phận hạch toán kinh doanh:** Tham mưu và chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch sản xuất và kinh doanh từng quý, cả năm của các đơn vị trực thuộc cũng như toàn Công ty.

Lập các hợp đồng kinh tế, tổ chức nghiệm thu và thanh quyết toán các công trình khi đã hoàn thành; lập kế hoạch sản xuất kinh doanh; theo dõi và cung ứng vật tư.

Chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường, tổ chức kinh doanh có hiệu quả. Tham mưu về công tác tiếp thị, quảng cáo. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc trong phạm vi quyền hạn của mình.

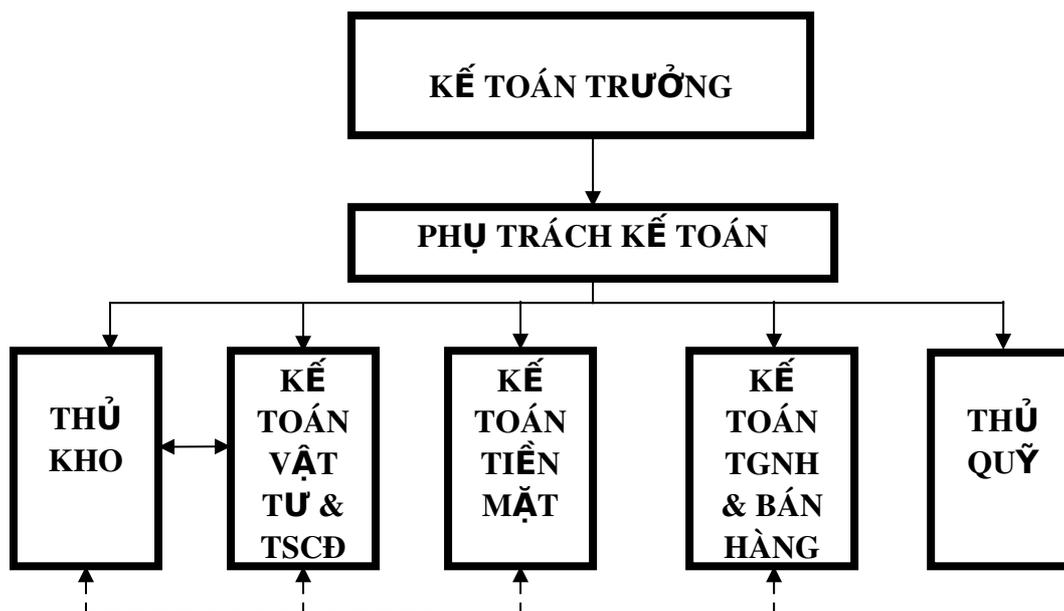
- **Bộ phận kỹ thuật:** Tham mưu cho Giám đốc trong lĩnh vực thiết kế chế tạo mẫu theo yêu cầu của khách hàng. Nghiên cứu cải tiến chất lượng sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu thị trường, tổ chức kiểm tra, theo dõi kỹ thuật và chất lượng các sản phẩm đầu vào và đầu ra của Công ty. Đề xuất lên giám đốc các quy trình chế tạo mẫu mới. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc trong phạm vi quyền hạn của phòng.

- **Các phân xưởng :**

- Thực hiện các chức năng quản lý, điều hành hoạt động, tổ chức sản xuất ở đơn vị mình theo đúng quy định của Công ty.

- Thực hiện các kế hoạch, các công trình được Công ty giao, theo dõi tình hình lao động trong đơn vị mình và đề xuất các biện pháp giải quyết các vấn đề nảy sinh trong phạm vi đơn vị mình lên các phòng ban và Giám đốc.

2.1.3.1. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán



Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Ghi chú:

- ▶ ———▶ :Quan hệ trực tuyến.
- ▶ - - - -▶ :Quan hệ chức năng

2.1.3.2. Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong phòng kế toán

+ **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ tổ chức, chỉ đạo công tác hạch toán toàn công ty, đồng thời có chức năng giống như kế toán tổng hợp tức là có trách nhiệm tổng hợp số liệu từ các phần hành kế toán, lập báo cáo kế toán cho công ty. Đồng thời tham mưu cho giám đốc ký kết hợp đồng kinh tế, xây dựng các kế hoạch tài chính, chịu trách nhiệm trước ban giám đốc và cơ quan tài chính cấp trên về hoạt động kế toán tài chính ở công ty

+ **Phụ trách kế toán:** Là người hỗ trợ kế toán trưởng trong công tác kế toán ở công ty, đồng thời đảm nhiệm phần hành kế toán tính giá thành sản phẩm, tổng hợp chi phí sản xuất trong tháng, lập báo cáo tài chính.

+ **Kế toán vật tư & tài sản cố định:** Theo dõi tình hình xuất nhập tồn kho vật tư hàng tháng, tình hình tài sản cố định hiện có và tình hình tăng giảm tài sản cố định tại công ty.

+ **Thủ kho:** Quản lý kho vật tư, thành phẩm, báo cáo tình hình xuất, nhập, tồn hàng ngày. Cuối tháng kiểm kê đối chiếu số liệu với kế toán vật tư.

+ **Kế toán tiền mặt:** Theo dõi những khoản thu chi về tiền mặt.

+ **Kế toán tiền gửi ngân hàng và bán hàng:** Có nhiệm vụ giao dịch về các khoản liên quan đến tiền gửi, tiền vay ngân hàng. Hạch toán các khoản doanh thu và giá vốn hàng bán, theo dõi các khoản phải thu của khách hàng, lập báo cáo về tình hình xuất, nhập, tồn thành phẩm.

+ **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm trực tiếp về thu chi tiền mặt.

* Đối với các tài khoản có gốc ngoại tệ, công ty theo dõi và hạch toán theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đa số các nghiệp vụ này liên quan đến việc vay vốn ngân hàng và trả tiền mua hàng nhập khẩu.

Thuế nhập khẩu = Giá CIF x thuế suất thuế nhập khẩu x tỷ giá liên ngân hàng.

Giá CIF là giá nhập khẩu hàng hoá theo INCOTERM 2000 đã bao gồm giá bán hàng hoá, phí vận chuyển trả trước và phí bảo hiểm hàng hoá.

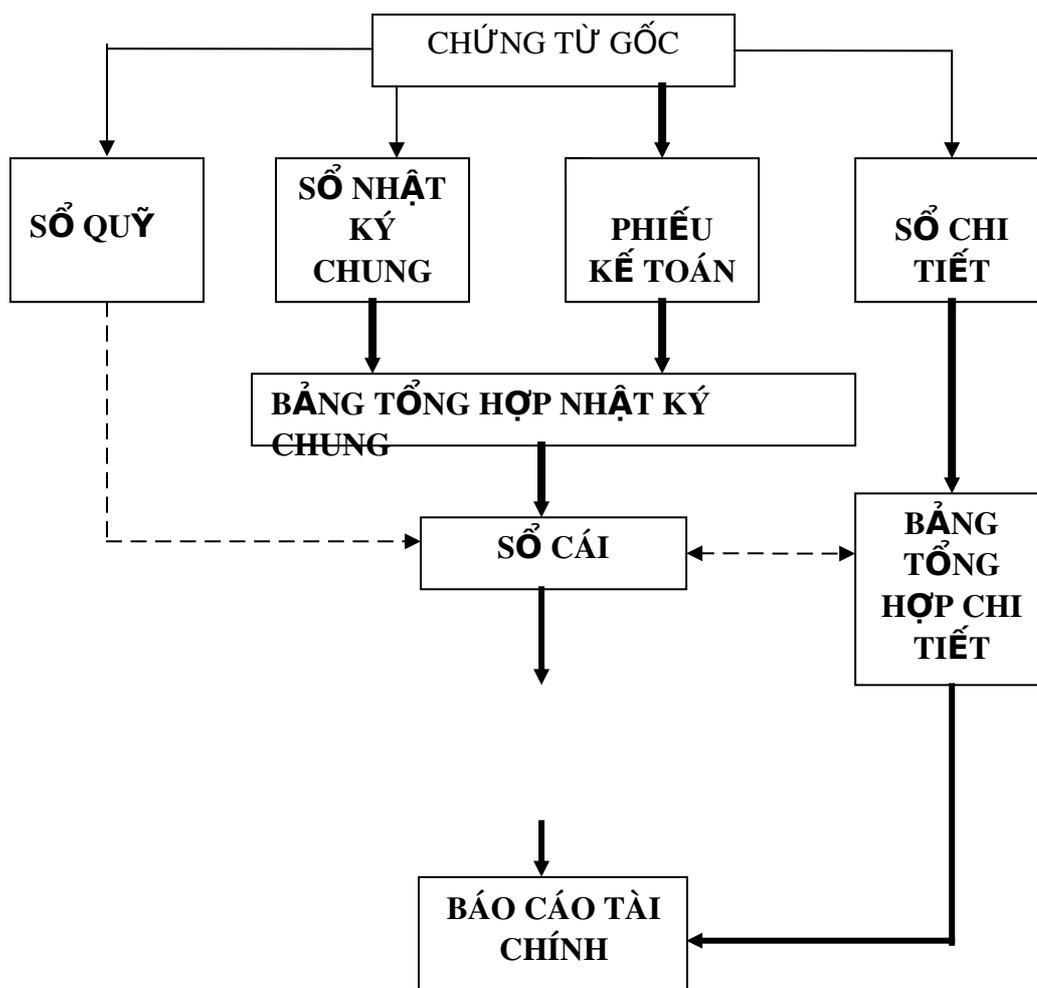
Trách nhiệm chung

- Các bộ phận phải phối hợp với nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ và phải chịu trách nhiệm về phần hành mà mình được giao ở trên.

- Cuối tháng các bộ phận đều tham gia vào công tác kiểm kê để phục vụ cho việc tính giá thành được chính xác (Có bảng phân công công việc kiểm kê cụ thể của từng người).

2.1.3.3. Tổ chức công tác kế toán

- **Tổ chức công tác kế toán**



Sơ đồ 3: Sơ đồ tổ chức công tác kế toán

Ghi chú:

—————> :Ghi hàng ngày

—————> :Ghi cuối tháng

—————> :Ghi cuối năm

← - - - -> :Đối chiếu

- Trình tự hạch toán theo sơ đồ:

Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức kế toán là nhật ký chung, áp dụng phần mềm kế toán BRAVO.

Hàng ngày, căn cứ vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh trên các chứng từ hợp lệ ban đầu, kế toán viên theo từng phần phản ánh vào sổ nhật ký chung hoặc với các nghiệp vụ phát sinh không thường xuyên thì phản ánh vào phiếu kế toán. Đồng thời đối với những nghiệp vụ phát sinh liên quan đến những

đối tượng cần theo dõi chi tiết thì tiến hành phản ánh vào các sổ chi tiết có liên quan nhằm đáp ứng những yêu cầu của quản lý. Khi sử dụng phần mềm thì sau khi nhập liệu máy tính sẽ xử lý toàn bộ, từ việc phản ánh vào sổ các sổ cho đến việc lập bảng tổng hợp nhật ký chung vào sổ cái. Bảng tổng hợp nhật ký chung và sổ cái được lập theo tháng.

- Các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền mặt thì ngoài việc phản ánh vào sổ nhật ký thu tiền thì thủ quỹ cũng tiến hành theo dõi tiền tại quỹ trên sổ quỹ và tiến hành đối chiếu với

bảng cân đối tài khoản.

- Cuối năm, căn cứ vào sổ cái, sau khi đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết, kế toán trưởng lập bảng cân đối tài khoản, từ đó cùng với bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính của công ty.

2.1.3.4. Các phương pháp kế toán được áp dụng tại công ty

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp xuất kho theo đơn giá bình quân gia quyền cuối kỳ .

Tài sản cố định dùng phương pháp khấu hao theo đường thẳng.

Tất cả các loại ngoại tệ được quy đổi ra Việt Nam Đồng.

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.1.4. Tình hình lao động của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT qua 3 năm (2009- 2011)

Bảng 1: Tình hình lao động của công ty qua 3 năm (2009- 2011)

DVT: Người

CHỈ TIÊU	NĂM 2009		NĂM 2010		NĂM 2011		SO SÁNH			
							2010/2009		2011/2010	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Tổng số lao động	320	100	402	100	450	100	82	25,6	48	11,94
1. Phân theo tính chất công việc										
Lao động trực tiếp	272	85	350	87,0	396	88	78	28,6	46	13,14
Lao động gián tiếp	48	15	52	12,9	54	12	4	8,33	2	3,85
2. Phân loại theo giới										
Nữ	217	67,8	246	61,2	270	60	29	13,3	24	9,76
Nam	103	32,1	156	38,8	180	40	53	51,4	24	15,38
3. Chuyên môn trình độ										
Đại học	48	15	68	16,9	98	21,7	20	41,6	30	44,12
Cao đẳng, trung cấp	170	53,1	196	48,7	210	46,6	26	15,2	14	7,14
Lao động phổ thông	102	31,8	138	34,3	142	31,5	36	35,2	4	2,9

(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính của công ty)

Dựa vào bảng số liệu ta thấy tổng số lao động trong 3 năm vừa qua của công ty tăng đều. Cụ thể là năm 2010 so với năm 2009 tăng 82 người, tương ứng tăng 25,63%. Năm 2011 so với năm 2010 tăng 48 người, tương ứng tăng 11,94%. Sự tăng lên này là do công ty ngày càng mở rộng mạng lưới và lĩnh vực kinh doanh. Là một công ty hoạt động dựa sản xuất kinh doanh vì vậy nhu cầu về lao động trực tiếp chiếm tỷ lệ cao hơn so với lao động gián tiếp, cụ thể là năm 2010 so với năm 2009

tăng 78 người, tương ứng 28,68%, trong khi đó lao động gián tiếp chỉ tăng 4 người, tương ứng 8,33%. Năm 2011 so với năm 2010 tăng 46 người, tương ứng 13,14%, nhưng lao động gián tiếp chỉ tăng 2 người, tương ứng 3,85%. Tính chất công việc đòi hỏi lao động khéo léo nên nữ giới trong công ty luôn chiếm tỷ lệ cao, đến năm 2011 đã có 270 lao động nữ chiếm 60% trong tổng số lao động trong khi lao động nam giới chỉ có 180 và chiếm 40% trong tổng số lao động. Lao động của công ty trong những năm vừa qua đã không những tăng về mặt số lượng mà còn là chất lượng, hàng năm công ty bỏ ra hơn 250 triệu đồng cho việc tuyển dụng và đào tạo. Vì vậy lao động có trình độ đại học trong những năm vừa qua tăng đều, năm 2009 chỉ có 48 lao động chiếm 15% nhưng đến năm 2011 đã có 98 lao động chiếm 21,77%. Lao động có trình độ cao đẳng trung cấp và lao động phổ thông có tăng tuy nhiên sự tăng có giảm xuống, nhìn vào bảng số liệu nếu so sánh năm 2011 so với năm 2009 ta thấy lao động rõ ràng có sự giảm xuống, cụ thể là lao động có trình độ cao đẳng có 170 lao động chiếm 53,13% giảm xuống 46,66% tương đương với 210 lao động. Tuy nhiên nếu so năm 2010 so với năm 2009 thì ta thấy lao động ở trình độ này tăng cao. Có sự khác biệt và chênh lệch như vậy là do trong năm 2010 công ty đã tuyển dụng thêm lao động thay thế vào các bộ phận có lao động về hưu, mở rộng mạng lưới kinh doanh và năm 2010 công ty đã bỏ ra hơn 400 triệu đào tạo cũng như tạo điều kiện cho lao động phát triển khả năng của mình.

Trong những năm vừa qua công ty TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT hoạt động và kinh doanh hiệu quả, chính việc chú trọng nguồn lực lao động đã dẫn đến sự phát triển đó.

2.1.5. Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT qua 3 năm (2009-2011)

Bảng 2: Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty qua 3 năm (2009-2011)

DVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	2010/2009		2011/2010	
				+/-	%	+/-	%
Tổng tài sản	4.118.925.882	6.129.425.127	7.520.600.450	2.010.499.245	39,28	1.391.175.323	22,7
I. Tài sản ngắn hạn	3.192.751.466	5.059.972.143	5.150.520.250	1.867.220.677	44,53	1.867.220.677	36,9
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	1.359.612.549	1.872.145.632	1.265.258.265	512.533.083	37,70	-606.887.367	32,42
2. Phải thu khách hàng	1.464.822.167	2.828.715.441	3.254.584.250	1.363.893.274	55,33	425.868.809	15,06
3. Hàng tồn kho	261.424.515	288.149.752	400.650.250	26.725.237	10,22	112.500.498	39,04
4. Tài sản ngắn hạn khác	106.895.235	70.961.318	230.027.485	-35.930.917	-33,61	159.066.167	224,16
II. Tài sản dài hạn	926.174.416	1.069.452.984	2.370.080.200	143.278.568	15,47	1.300.627.216	121,62
1. Tài sản cố định	794.652.614	958.742.551	1.650.560.592	164.089.937	20,65	691.818.041	71,41
2. Tài sản dài hạn khác	131.521.802	110.710.433	719.519.608	-20.811.369	-15,82	608.809.175	549,91
Tổng nguồn vốn	4.118.925.882	6.129.425.127	7.520.600.450	2.010.499.245	39,28	1.391.175.323	22,7
I. Nợ phải trả	2.431.752.649	3.068.521.463	4.658.562.152	636.768.814	26,19	1.590.040.689	51,82
1. Nợ ngắn hạn	1.557.559.471	1.988.883.045	2.526.565.145	431.323.574	27,69	537.682.100	27,03
2. Nợ dài hạn	874.193.178	1.079.638.418	2.131.997.000	205.445.240	23,50	1.052.358.582	97,47
II. Vốn chủ sở hữu	1.687.173.233	3.060.903.664	2.862.038.298	1.373.730.431	51,12	-198.865.366	6,5
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	312.379.165	1.198.964.288	155.258.260	1.208.129.499	52,25	-1.043.706.028	87,05
2. Các quỹ	29.662.460	170.652.941	156.679.958	59.888.016	54,06	-13.972.983	8,18
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.345.131.608	1.691.286.885	2.550.100.808	105.713.574	40,03	858.813.923	50,78

(Nguồn:BCĐKT của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT HUẾ)

Trong 3 năm qua (2009– 2011), tài sản và nguồn vốn của công ty có sự biến động mạnh mẽ. Điều đó được thể hiện qua bảng 2 tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty qua 3 năm 2009-2011

Qua bảng số liệu ta thấy tổng tài sản và nguồn vốn chủ công ty qua các năm cụ thể là năm 2010 so với 2009 tài sản ngắn hạn tăng 1.867.220.677 tăng 44,53% tài sản dài hạn tăng 143.278.568 đồng tương ứng tăng 15,47 %, năm 2011 so với năm 2010 tài sản ngắn hạn tăng 1.867.220.677 tương ứng tăng 36,9 % và tài sản dài hạn tăng 1.300.627.216 đồng tương ứng tăng 121,62 %. Sự tăng thêm này là do công ty mở rộng mạng lưới kinh doanh, đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại cho phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật và sự thuận lợi trong vòng chu chuyển vốn.

Phần nguồn vốn qua các năm tăng mạnh, ta thấy nợ phải trả của công ty chiếm một số vốn lớn, năm 2009 là 2.431.752.649 đồng mà đến năm 2011 con số này đã lên đến 4.658.562.152 đồng. Có thể chiếm dụng một số vốn lớn như vậy là do công ty có uy tín trên thị trường và năm 2011 công ty đã vay dài hạn ngân hàng VCB một lượng tiền lớn để mở rộng và phát triển kinh doanh đồng thời dùng khoản tiền đó để đầu tư vào hoạt động tài chính. Nhìn vào bảng số liệu ta thấy hoạt động kinh doanh của công ty đang trên đà phát triển mạnh.

2.1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT qua 3 năm (2009- 2011)
Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT qua 3 năm(2009-2011)

Đvt: VNĐ

CHỈ TIÊU	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	So sánh			
				2010/2009		2011/2010	
				+/-	%	+/-	%
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.366.265.133	9.566.121.700	15.620.600.000	2.199.856.567	29,86	6.054.478.300	63,29
2.Các khoản giảm trừ doanh thu	77.365.265	77.500.800	82.600.500	135.535	0,18	5.099.700	6,58
a Chiết khấu thương mại		77.500.800		77.500.800	100	-77.500.800	100
b. Giảm giá hàng bán							
c. Giá trị hàng bán bị trả lại	77.365.265		82.600.500	-9.504.720	100	82.600.500	100
d. Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT							
3. Doanh thu hoạt động tài chính	110.233.565	112.500.780	56.600.420	2.267.215	2,1	-55.900.360	49,69
4. Chi phí sản xuất kinh doanh	6.388.600.030	8.414.489.200	10.951.920.850	2.025.889.170	31,71	2.537.431.650	30,16
a. Giá vốn hàng bán	4.800.100.566	6.935.100.500	9.600.840.000	2.134.999.934	44,48	2.665.739.500	39,44
b. Chi phí bán hàng	206.233.588	206.266.100	450.600.000	32.512	0,02	244.333.900	118,46
c . Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.252.266.155	1.300.122.600	900.562.850	47.856.445	3,8	-399.559.750	30,73
5. Chi phí tài chính	730.156.233	750.566.100	920.562.500	20.409.867	2,8	169.996.400	22,65
Trong đó: Chi phí lãi vay dùng cho sản xuất kinh doanh	500.234.664	750.566.100	920.562.500	250.331.436	50	169.996.400	22,65
6. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.660.377.167	2.109.066.380	3.722.116.570	448.689.213	27	1.613.050.190	76,7
7. Thu nhập khác	66.565.322	77.660.200	50.655.520	11.094.878	16,7	-27.004.680	34,77
8. Chi phí khác			425.260.200			425.260.200	100
9.Lợi nhuận khác	66.566.322	77.660.200	-374.604.680	1.756.278	2,6	-15.700.080	22,98
10.Tổng LN trước thuế TNDN	1.793.508.811	2.255.049.180	3.400.134.410	461.540.369	25,73	1.145.085.230	50,78
11. Thuế TNDN	448.377.202,8	563.762.295	850.033.602,5	115.385.092,2	25,73	286.271.307,5	50,78

12. Tổng LN sau thuế TNDN	1.345.131.608	1.691.286.885	2.550.100.808	346.155.277	25,73	858.813.923	50,78
---------------------------	---------------	---------------	---------------	-------------	-------	-------------	-------

(Nguồn: Bảng BCKQHĐKD của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT HUẾ)

Qua bảng số liệu phân tích trên ta thấy, lợi nhuận của công ty năm 2010 so với năm 2009 là tăng 346.155.277 đồng tương ứng tăng 25,73%, năm 2011 so với năm 2010 tăng 858.813.923 đồng tương ứng tăng 50,78 %. Doanh thu năm 2010 so với năm 2009 tăng 2.199.856.567 đồng tương ứng tăng 29,86 %. Đây là kết quả của việc mở rộng thị trường nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như công tác đa dạng hoá các mặt hàng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Chính điều này đã làm cho lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tăng lên. Mặt khác, chi phí khác năm 2011 tăng lên đáng kể so với năm 2010 nhưng không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận.

Nhìn chung trong thời gian vừa qua công ty đã hoạt động có hiệu quả. Để đạt được kết quả như vậy là do công ty không ngừng đổi mới công nghệ, trang thiết bị, đào tạo nguồn nhân lực và không thể không kể đến sự lao động miệt mài của toàn bộ tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.

2.2. Tình hình thực tế kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT

2.2.1 . Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty liên quan đến kế toán tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh

☐ Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn.

➤ **Doanh thu bán hàng:** được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển sang người mua

➤ **Doanh thu cung cấp dịch vụ:** khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã thực hiện. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận

☐ Phương thức thanh toán

Sau khi giao hàng cho khách hàng và được chấp nhận thanh toán thì công ty có

thể nhận tiền hàng theo nhiều phương thức khác nhau tùy thuộc vào sự tín nhiệm, thỏa thuận giữa hai bên theo điều khoản ghi trên hợp đồng. Hiện nay công ty thường áp dụng hai phương thức thanh toán sau:

➤ **Phương thức thanh toán trực tiếp**

Phương thức thanh toán trực tiếp là phương thức thanh toán mà ngay sau khi công ty giao hàng thì khách hàng thanh toán tiền ngay cho công ty. Khách hàng có thể thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản.

➤ **Phương thức thanh toán trả chậm**

Phương thức thanh toán trả chậm là phương thức thanh toán mà sau khi công ty giao hàng khách hàng có thể thanh toán tiền hàng cho công ty thành nhiều đợt tùy thuộc vào hợp đồng đã ký kết. Khi đó hình thành khoản công nợ phải thu của khách hàng, kế toán công nợ có nhiệm vụ hạch toán quản lý chi tiết cho từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán.

2.2.2. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT

2.2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

☐ Nội dung

↳ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là giá trị của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mà công ty đã bán, cung cấp cho khách hàng đã xác định là tiêu thụ bao gồm:

☐ Tài khoản sử dụng

↳ TK 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ TK 5111: doanh thu phân cứng

✓ TK 5112: doanh thu phân mềm

✓ TK 5113: doanh thu cung cấp dịch vụ

↳ TK 512: doanh thu nội bộ

✓ TK 5121: doanh thu nội bộ phân cứng

✓ TK 5122: doanh thu nội bộ phân mềm

✓ TK 5123: doanh thu nội bộ cung cấp dịch vụ

☐ Chứng từ sử dụng và quy trình luân chuyển chứng từ**↳ Chứng từ sử dụng**

- ✓ Hợp đồng bán hàng.
- ✓ Phiếu đề nghị viết hóa đơn
- ✓ Hóa đơn GTGT kèm phiếu xuất kho
- ✓ Biên bản giao nhận.
- ✓ Phiếu bảo hành
- ✓ Các chứng từ phản ánh tình hình thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
- ✓ Sổ chi tiết: sổ chi tiết bán hàng hoặc sổ nhật ký bán hàng. Kế toán mở chi tiết cho từng loại hoạt động
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái các tài khoản 111, 112, 131, 511, 911

↳ Quy trình luân chuyển chứng từ

Từ nội dung yêu cầu viết hóa đơn trên hệ thống quản lý khách hàng CRM kế toán xuất hóa đơn căn cứ thông tin trên CRM để viết hóa đơn GTGT (gồm 4 liên) rồi trình cho kế toán trưởng và giám đốc tài chính ký duyệt.

Bộ phận kỹ thuật giao hàng kèm biên bản giao nhận, phiếu bảo hành (nếu có) đến liên hệ kế toán xuất hóa đơn lấy hóa đơn giao cho khách hàng.

Khi khách hàng ký nhận hàng thì liên 2 (màu hồng) giao cho khách hàng giữ lại, liên 1 (màu trắng) kế toán xuất hóa đơn lưu, liên 3 (màu xanh) kế toán công nợ giữ để kèm với phiếu thu khi nhận tiền của khách hàng, liên 4 (màu vàng) giao cho kho giữ nếu trường hợp hóa đơn dịch vụ thì không phải xuất kho nên liên 4 kế toán xuất hóa đơn giữ.

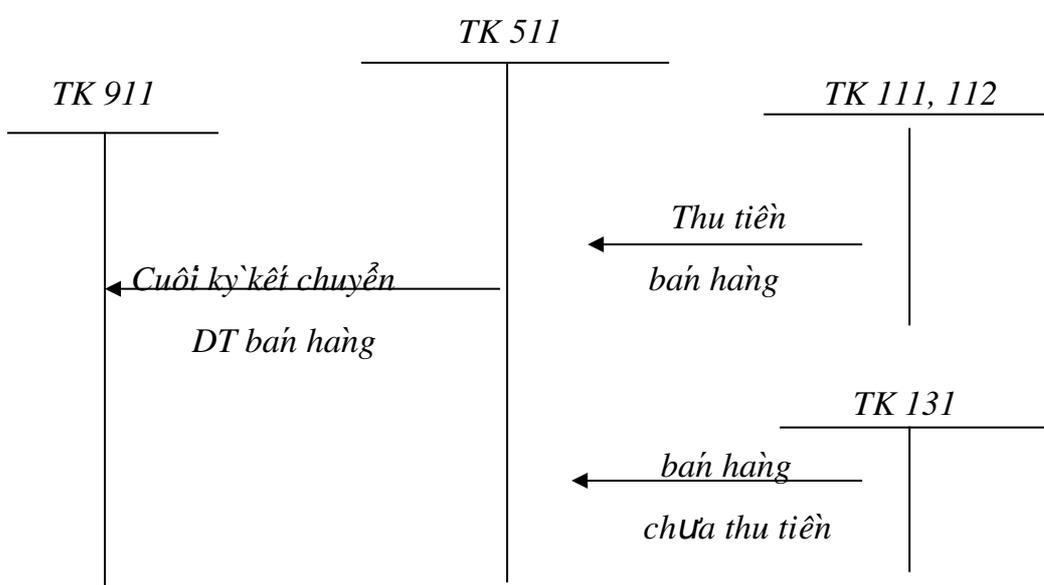
Nếu có phát sinh các chi phí liên quan đến quá trình giao hàng như cước vận chuyển,... thì người phụ trách giao hàng phải đem hóa đơn có liên quan về cho kế toán thu chi lập phiếu chi.

Trường hợp khách hàng thanh toán tiền hàng bằng tiền mặt thì kế toán thu chi lập phiếu thu (gồm 3 liên) trình kế toán trưởng và giám đốc tài chính ký duyệt.

Căn cứ vào phiếu thu thủ quỹ nhập quỹ theo yêu cầu và ký tên. Sau khi đã có đầy đủ chữ ký của những người có liên quan thì liên 1 (màu trắng) kế toán thu chi sẽ giữ lại để làm căn cứ ghi sổ kế toán, liên 2 (màu hồng) giao cho khách hàng giữ, liên 3 (màu xanh) giao cho thủ quỹ giữ.

Trường hợp khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản thì kế toán ngân hàng sẽ nhận được giấy báo có từ ngân hàng, khi đó kế toán ngân hàng sẽ lưu giấy báo có này để làm căn cứ ghi sổ kế toán.

☐ Phương pháp hạch toán



☐ Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

↘ Xuất bán bao PP cho công ty TNHH SÔNG GIANH. Số lượng 424 cái, thuế VAT 5%. Đơn giá 16.985 VNĐ/ cái. Hóa đơn GTGT số 003292 ngày 08/12/11, khách hàng trả tiền bằng tiền mặt.

Bảng 4:

SỔ CHI TIẾT BAN HÀNG

Tháng 12 năm 2011

Tài khoản: 131

DVT: đồng

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số phát sinh		Số dư	
			Nợ	Có	Nợ	Có
Đầu kỳ:					31.050.033.	
					000	
.....
Khách hàng: 12860 Công ty TNHH SÔNG GIANH						
08/12/11	H003292	Bán bao PP	10.246.888		10.246.888	
15/12/11	T0386/12	Thu tiền bán hàng theo HĐ 003292 (15/12/11)		30.246.888		
.....
Khách hàng: 12871 Công ty cổ phần VIỆT HÀ						
15/12/11	H003357	Bán Bao PPE	44.939.618		44.939.618	
.....
Khách hàng: 12615 Ngân hàng Citibank chi nhánh ha`Nội						
20/12/11	H000051	Dịch vụ bảo trì hệ thống	3.352.000		3.352.000	
24/12/11	UNC240512	Thu tiền bán hàng theo HĐ 000051 (24/12/11)		43.352.000		
...
Cuối kỳ:					132.858.000	

Bảng 5: SỔ CAI						
Tháng 12 năm 2011						
Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Số hiệu: 511						
ĐVT: Đồng						
Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	
03/12/11	H000051	03/12/11	Cung cấp dịch vụ	131		143.352.000
08/12/11	H003292	08/12/11	Bán bao sông gianh	131		28.806.560
15/12/11	H003357	15/12/11	Bán bao PP	131		44.939.618
.....
.....
31/12/11	CE0812R C	31/12/11	Kết chuyển	911	620.484.000	
Cộng:					620.484.000	620.484.000

2.2.2.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung

Doanh thu hoạt động tài chính là những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc do kinh doanh như:

- ✓ Lãi do gửi tiền ở ngân hàng
- ✓ Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- ✓ Lãi tỷ giá giữa tỷ giá ghi trên hoá đơn và tỷ giá lúc thanh toán

✓ Lãi tỷ giá do công ty quy định lúc nhập khẩu thì ghi nhận theo tỷ giá của ngân hàng Vietcombank nhưng lúc thanh toán thì thanh toán theo tỷ giá của ngân hàng

BIDV nên nếu chênh lệch lãi thì khoản chênh lệch này được đưa vào doanh thu hoạt động tài chính.

✓ Cuối năm tài chính công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá này được hạch toán vào tài khoản 4131 “chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính”, nếu phát sinh lãi tỷ giá hối đoái thì hạch toán vào bên có của TK 4131 sau đó kết chuyển toàn bộ khoản chênh lệch này vào doanh thu hoạt động tài chính.

✓ Các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được kế toán công nợ theo dõi khi phát sinh để đảm bảo cho số liệu được chính xác, kế toán theo dõi bằng cách kết chuyển CLTG công nợ thanh toán trên bút toán nhật ký chung của phần mềm Accnet.

Tài khoản sử dụng: TK 515 “doanh thu hoạt động tài chính”

Chứng từ sử dụng

✓ Hoa đơn bán hàng

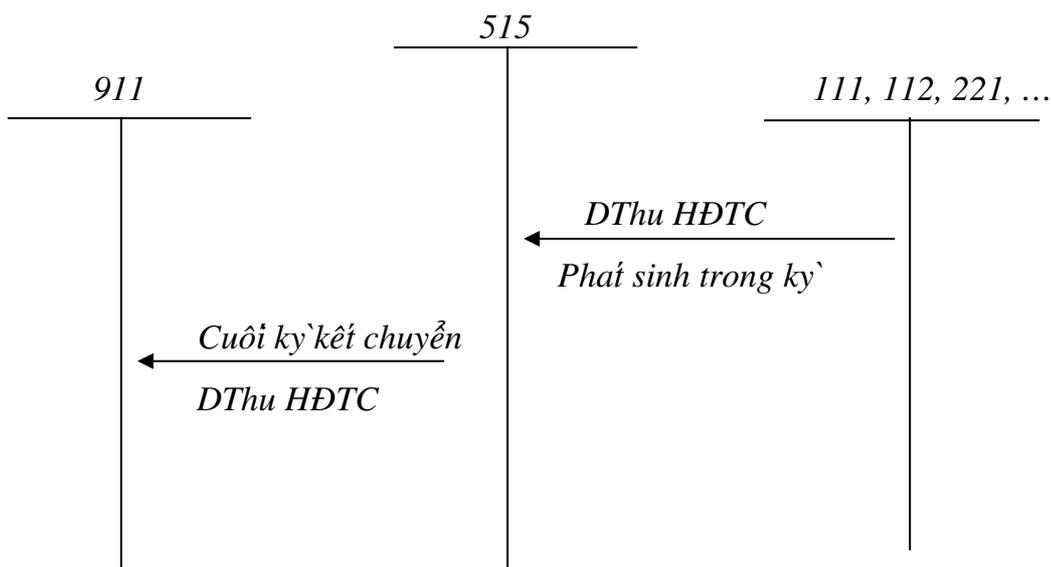
✓ Phiếu tính lãi

✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết tài khoản 515

✓ Sổ tổng hợp: sổ cái các tài khoản có liên quan.

✓ Các chứng từ khác có liên quan ...

Phương pháp hạch toán



Bảng 6:

SỔ CAI
 Tháng 12 năm 2011
 Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
 Số hiệu: 515
 ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
.....	
23/12/11	K065/12/11	23/12/11	KC CLTG công nợ thanh toán tiền cho Việt Hà theo HĐ 172251- UNC220708D	331		1.244.000	
31/12/11	CE0812RC	31/12/11	Kết chuyển	911	1.244.000		
Cộng:						1.244.000	1.244.000

2.2.2.3. Kế toán thu nhập khác

☐ Nội dung

La các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như:

- ✓ Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản
- ✓ Thu từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- ✓ Do công ty có mua bảo hiểm về hàng hoá nên những khoản công ty bảo hiểm

bồi thường những hư hại mất mát của hàng hoá mà không rõ nguyên nhân cũng sẽ được ghi nhận vào thu nhập khác.

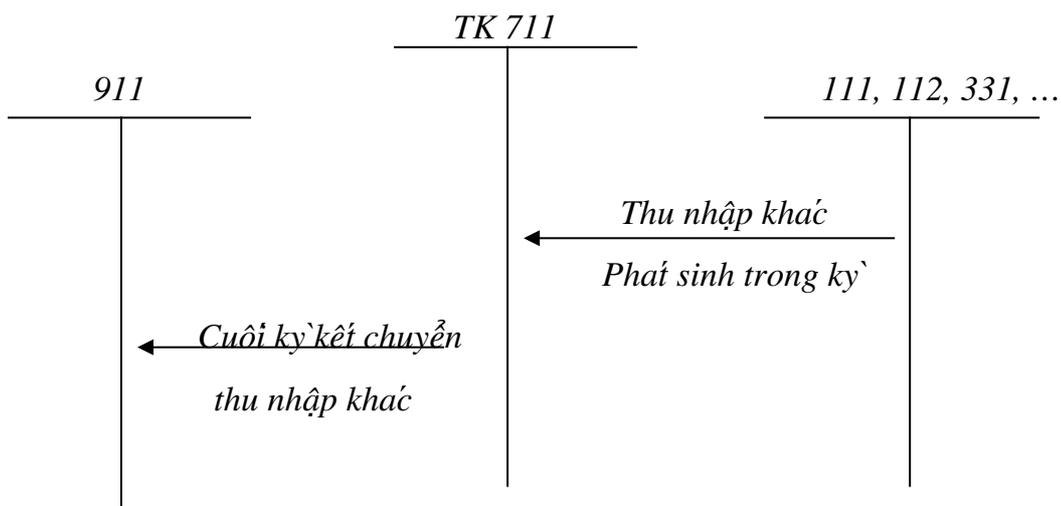
☐ **Tài khoản sử dụng:** TK 711 “thu nhập khác”

☐ Chứng từ sử dụng

- ✓ Hoa đơn bán hàng
- ✓ Quyết định thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Biên bản vi phạm hợp đồng

- ✓ Biên bản thanh lý hợp đồng
- ✓ Hoa đơn bảo hiểm
- ✓ Các chứng từ kế toán khác có liên quan
- ✓ Sổ chi tiết: sổ kế toán chi tiết TK 711
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái TK 711

☐ Phương pháp hạch toán



☐ Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

➤ Kết chuyển lô hàng PP3 bồi thường theo phiếu nhập 25MN/11 chứng từ số K043/12/11 ngày 29/12/11

Bảng 7:

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Co'
19/12/11	K043/12/11	19/12/11	Lô hàng PP3 bồi thường	331		33.502.367
30/12/11	K125/12/11	30/12/11	KC hàng tặng	331		6.399

			khuyến mãi			
.....
	CE0812RC	31/12/11	Kết chuyển	911	61.374.00 0	
Cộng:					61.374.00 0	61.374.000

2.2.2.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

☐ Nội dung

Các khoản giảm trừ doanh thu của công ty thường là các khoản hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán do nhiều nguyên nhân như:

- ✓ Giao hàng không đúng chủng loại quy cách... mà hợp đồng đưa ra, khi đó tuy trừ hợp mà xuất hoá đơn điều chỉnh giảm hay hủy hoá đơn đó và xuất lại hoá đơn khác
- ✓ Điều chỉnh giảm do sai tỷ giá trên hoá đơn, khi đó công ty phải làm biên bản điều chỉnh giảm hoá đơn và xuất hoá đơn điều chỉnh giảm kèm theo.
- ✓ Đối với những công trình lớn cho khách hàng là công ty nhà nước như xây dựng hệ thống mạng, máy móc... thì mỗi lần đi hàng phải xuất hoá đơn dựa trên hợp đồng quyết toán công trình. Khi công trình hoàn thành bàn giao nêu số tiền thực trả khi quyết toán công trình nhỏ hơn tổng số tiền các hoá đơn đã xuất khi đi hàng thì ty phải làm biên bản điều chỉnh giảm hoá đơn và xuất hoá đơn điều chỉnh giảm kèm theo khi đó thì kho bạc mới chuyển tiền

☐ Tài khoản sử dụng: TK 531 “hàng bán bị trả lại”
TK 532 “giảm giá hàng bán”

☐ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Hoá đơn bán hàng
- ✓ Hợp đồng kinh tế
- ✓ Biên bản nghiệm thu
- ✓ Biên bản điều chỉnh giảm hoá đơn, biên bản hủy hoá đơn
- ✓ Các chứng từ kế toán khác có liên quan

- ~~✓ Sổ chi tiết: sổ kế toán chi tiết TK 531, 532~~
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái TK 531, 532

☐ Phương pháp hạch toán:

TK 531, 532

111, 112, 131, ...

TK 511

Các khoản giảm trừ

Doanh thu phát sinh

Kết chuyển để xác định

Doanh thu thuần

TK 911

Kết chuyển để

Xác định KQKD

Bảng 8:

SỔ CAI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Giảm giá hàng bán

Số hiệu: 532

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Co
....
31/12/11	H003578	31/12/11	Điều chỉnh giảm giá hóa đơn 04516 (28/12/10)	112	4.916.878	
.....
	CE0812RC	31/12/11	Kết chuyển	511		12.136.369
Cộng:					12.136.369	12.136.369

Bảng 9:

SỔ CAI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Hàng bán bị trả lại

Số hiệu: 531

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Co	
....	
16/12/11	0DH003343	16/12/11	Điều chỉnh hủy hoá đơn 03343 (16/12/10)	131	3.836.160		
.....	
	CE0812RC	31/12/11	Kết chuyển	511		11.113.000	
Cộng:						11.113.000	11.113.000

2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

☐ Nội dung

↳ Giá vốn hàng hoá mua trong nước: khi đo giá vốn được xác định là giá ghi trên hoá đơn, các chi phí khác được đưa vào chi phí bán hàng

↳ Giá vốn hàng hoá nhập ngoại: giá vốn được xác định theo công thức sau:

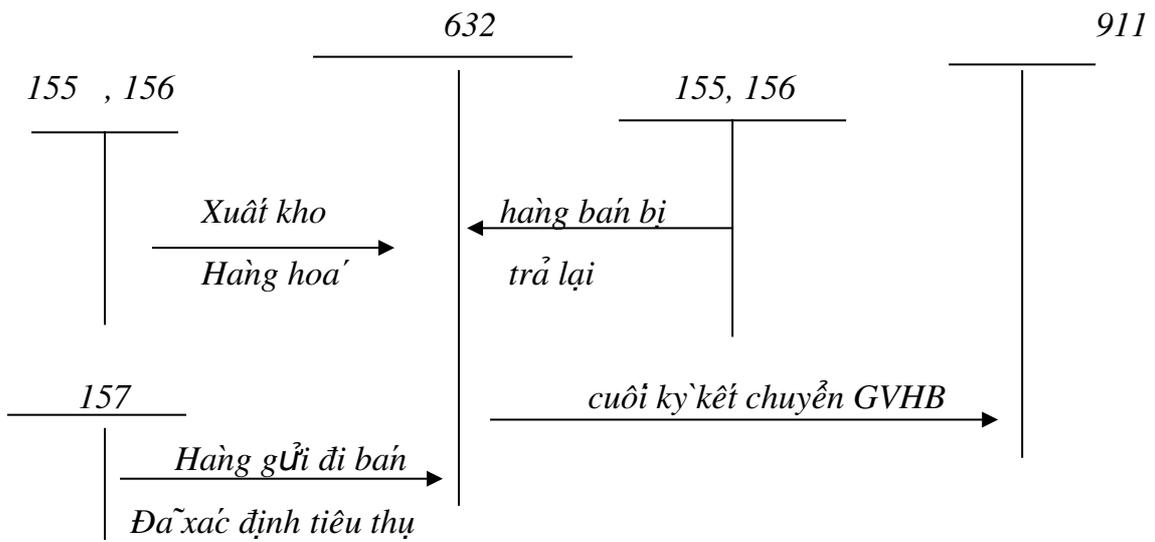
Giá vốn = FOB + Thuế NK + CP vận chuyển quốc tế + CP bảo hiểm
(Các chi phí khác trong nước kế toán đưa vào chi phí bán hàng)

☐ Tài khoản sử dụng: TK 632 “giá vốn hàng bán”

☐ Chứng từ sử dụng

- ✓ Hoá đơn mua hàng
- ✓ Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- ✓ Bảng tổng hợp nhập xuất tồn
- ✓ Bảng tính và phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ
- ✓ Bộ hồ sơ hàng hoá nhập khẩu
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan
- ✓ Sổ chi tiết: sổ kế toán chi tiết TK 632 và sổ chi tiết hàng hoá có liên quan
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái TK 632

□ Phương pháp hạch toán



Bảng 10:

SỔ CAI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng tư'		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số'	Ngày			Nợ	Co'
....
07/12/11	H003156	07/12/11	Bán bao PE2900	1561 1	42.624.494	
10/12/11	0DCH002448	10/12/11	Điều chỉnh hủy hoa' đơn	1561 1		45.451.119
25/12/11	H003371	25/12/11	Bán Bao PE29502	1561 1	90.765.151	
.....
	CE0812ED	31/12/11	Kết chuyển	911		168.707.000
Cộng:					168.707.00 0	168.707.000

2.2.4. Kế toán chi phí tài chính

☐ Nội dung

Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoặc các khoản lỗ do hoạt động đầu tư tài chính hoặc do kinh doanh như:

- ✓ Lãi tiền vay ngân hàng: gồm lãi tiền vay ngắn hạn và lãi tiền vay dài hạn để xây toà nhà làm việc
- ✓ Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá giữa tỷ giá ghi trên hoá đơn và tỷ giá lúc thanh toán.....
- ✓ Khoản lỗ phát sinh khi trao đổi mua bán ngoại tệ
- ✓ Khoản lỗ tỷ giá do công ty quy định lúc nhập khẩu thì ghi nhận theo tỷ giá của ngân hàng Vietcombank nhưng lúc thanh toán thì thanh toán theo tỷ giá của ngân hàng BIDV nên nếu chênh lệch lỗ thì khoản chênh lệch này được đưa vào chi phí tài chính.
- ✓ Cuối năm tài chính công ty đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do ngân hàng

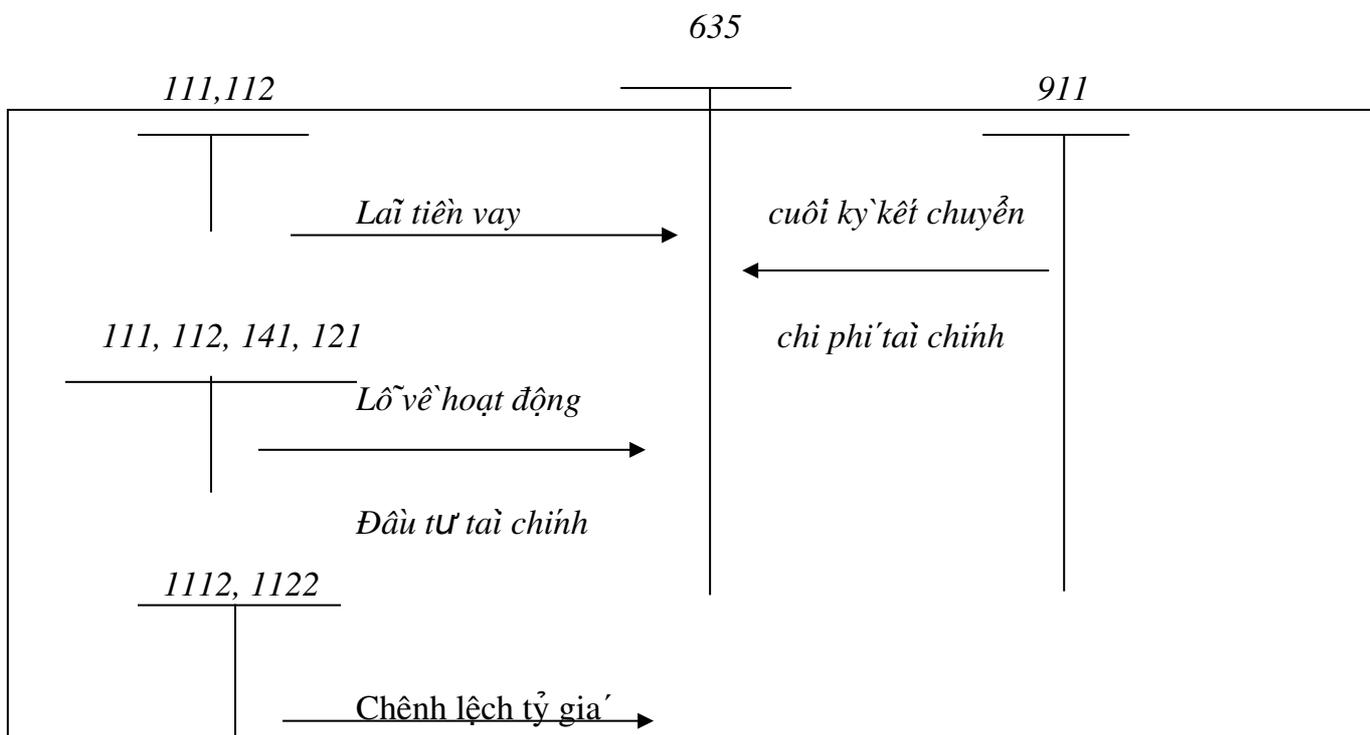
nhà nước Việt Nam công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá này được hạch toán vào tài khoản 4131 “chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối năm tài chính”, nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái thì hạch toán vào bên nợ của TK 4131 sau đó kết chuyển toàn bộ khoản chênh lệch này vào chi phí tài chính.

Tai khoản sử dụng: TK 635 “ chi phí tài chính”

Chứng từ sử dụng

- ✓ Hoa đơn bán hàng
- ✓ Hoa đơn mua hàng
- ✓ Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- ✓ Phiếu tính lãi tiền vay
- ✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết tài khoản 635
- ✓ Sổ tổng hợp: sổ cái các tài khoản 635
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan ...

Phương pháp hạch toán



Bảng 11:

SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
17/12/11	K017/12/11	17/12/11	CLTG	131	149. 700		
25/12/11	BID250908C	25/12/11	Lañ vay hạn mức T9/11 ngân hàng BIDV	11218	6.929.229		
31/12/11	K249/12/11	31/12/11	KC CLTG các TK có gốc ngoại tệ do đánh gia lại cuối năm	413	287.812		
	CE0812ED	31/12/11	Kết chuyển	911		5.669.972	
Cộng:						5.669.972	5.669.972

2.2.5. Kế toán chi phí bán hàng

□ Nội dung

La`những chi phí liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ như quảng cáo, chào hàng giới thiệu sản phẩm, hoa hồng, bảo hành, đóng gói sản phẩm, vận chuyển...bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho bộ phận bán hàng như tiền điện, nước, điện thoại...
- Chi phí bằng tiền khác

Do công ty có nhiều phòng ban nhiều trung tâm sản xuất các sản phẩm khác nhau nên các chi phí chung như điện, nước, điện thoại kế toán tạm đưa vào TK 142 hoặc TK 335 sau đó mới phân bổ theo số nhân viên của từng trung tâm, từng phòng ban để biết được chi phí thực tế nhằm phục vụ cho công tác quản trị của công ty.

□ Tài khoản sử dụng: TK 641 “Chi phí bán hàng”

Chứng từ sử dụng

- ✓ Bảng lương, bảng phân bổ tiền lương
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển
- ✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết chi phí bán hàng
- ✓ Sổ tổng hợp TK 641

Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

↘ Thanh toán phí giám định lô hàng hạt nhựa trắng theo hoá đơn 0006949 (24/10/08) cho công ty cổ phần giám định số tiền 1.610.505, thuế VAT 10%, theo đề nghị thanh toán số 000120. Phiếu chi số C2425/2011 ngày 10/11/11.

Bảng 12:

SỔ CAI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Co	
10/12/11	C2425/2011	10/12/11	Phí giám Định lô hàng VBA theo HD 06949	1111	1.610.5 05		
30/12/11	C2866/2011	30/12/11	Phí nhận hàng NK	1111	33.975.102		
	CE0812ED	31/12/11	Kết chuyển	911		35.585.607	
Cộng:						35.585.607	35.585.607

2.2.6. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung

La`những khoản chi phí phục vụ cho quản lý điều hành sản xuất kinh doanh và các khoản chi phí chung của toàn doanh nghiệp như:

- Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương cho bộ phận QLDN.

- Chi phí vật liệu đồ dùng văn phòng.
- Khấu hao TSCĐ dùng cho QLDN.
- Chi phí điện, nước, điện thoại dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp như dùng cho văn phòng công ty, phòng kế toán
- Chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, công tác phí, tàu xe, các loại phí, lệ phí...

Tài khoản sử dụng: TK 642 “Chi phí quản lý doanh nghiệp”

Chứng từ sử dụng

- ✓ Bảng lương, bảng phân bổ tiền lương
- ✓ Phiếu xuất kho vật liệu, công cụ dụng cụ
- ✓ Bảng phân bổ vật liệu, công cụ dụng cụ
- ✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước, chi phí chơ' kết chuyển
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Sổ chi tiết: mở sổ kế toán chi tiết chi phí QLDN
- ✓ Sổ tổng hợp: TK 642

Một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Thanh toán tiền mua nước khoáng theo hoá đơn 0000130 đề nghị thanh toán số 000413 cho CTCP Nước khoáng số tiền 500.000 thuế VAT 10%.

Phiếu chi số C2528/2011 ngày 24/12/11.

Bảng 13:

SỔ CAI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
04/12/11	C2528/2011	04/12/11	Mua Nước khoáng	1111	500.000		
05/12/11	C2559/2011	05/12/11	CP tiền điện cho bộ phận QLDN	1121	11.678.420		
	CE0812ED	31/12/11	Kết chuyển	911		12.178.420	
Cộng:						12.178.420	12.178.420

2.4.1.4. Kế toán chi phí khác

Nội dung

La` các khoản chi phí ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và` chi phí` thuê thu nhập doanh nghiệp như:

- ✓ Chi từ thanh lý nhượng bán tài sản
- ✓ Chi từ tiền phạt do vi phạm hợp đồng

✓ Tiền phạt thuê

✓ Chi phí thuê thu nhập

✓ Do công ty có mua bảo hiểm về hàng hoá nên những khoản công ty bảo hiểm bồi thường những hư hại mất mát của hàng hoá mà không rõ nguyên nhân theo một tỷ lệ nào đó, số còn lại doanh nghiệp sẽ chịu và đưa vào chi phí khác.

Tai khoản sử dụng: TK 811 “Chi phí khác”

Bảng 14:

SỔ CAI

Tháng 12 năm 2011

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

ĐVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh		
	Số	Ngày			Nợ	Có	
11/12/11	X000282/11	11/12/11	Xuất hàng hồng đa bôi thường	15611	549.529		
13/12/11	K029/11/11	13/12/11	KC thuê GTGT & NK Nộp thừa	33312 33332	1.182 34.289		
	CE0812ED	31/12/11	Kết chuyển	911		585.000	
Cộng:						585.000	585.000

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT

Nội dung

Cuối kỳ sau khi đã đối chiếu tổng hợp số liệu, kế toán tổng hợp cho máy tự chạy các bút toán kết chuyển để khoa sổ kế toán, theo phần mềm kế toán Accnet công ty đang sử dụng thì có các bút toán kết chuyển :

- ✓ Kết chuyển các tài khoản doanh thu bên có
- ✓ Kết chuyển các tài khoản chi phí bên nợ
- ✓ Kết chuyển tài khoản 421 để xác định lãi lỗ

Tài khoản sử dụng: TK 911 “xác định kết quả kinh doanh”

Bảng 15:

SỔ CÁI

Tháng 12/2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

DVT: Đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày			Nợ	Co
31/12			KC doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		620.484.968
31/12			KC doanh thu hoạt động tài chính	515		1.244.505
31/12			KC thu nhập khác	711		61.374.000
31/12			KC hàng bán bị trả lại	531	11.113.000	
31/12			KC giảm giá hàng bán	532	12.136.369	
31/12			KC giá vốn hàng bán	632	168.707.000	
31/12			KC chi phí hoạt động tài chính	635	5.669.972	
31/12			KC chi phí bán hàng	641	35.585.607	
31/12			KC chi phí quản lý doanh nghiệp	642	12.178.420	
31/12			KC chi phí khác	811	585.000	
31/12			KC thuế thu nhập doanh nghiệp	821	109.282.026,3	
31/12			KC lãi sang TK 421	421	327.846.078,7	
Cộng:					683.103.473	683.103.473

CHƯƠNG 3

BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT

3.1. Đánh giá chung về kế toán doanh thu và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty

3.1.1. Ưu điểm

Công ty áp dụng hình thức “Nhật ký chung” phần mềm kế toán máy BRAVO đã giúp bộ máy kế toán của công ty giảm nhẹ một phần rất lớn khối lượng công tác

kế toán thủ công, đồng thời nâng cao trình độ nghiệp vụ kế toán cũng như hoàn thiện dần tay nghề tin học của kế toán viên.

Hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán tại công ty được áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hiện nay công ty đang thực hiện theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài chính. Các kế toán viên trong phòng kế toán được phân công từng phần hành cụ thể, có trình độ nghiệp vụ cao, đồng thời cũng đảm nhiệm nhiều khâu công việc. Kế toán trưởng luôn theo dõi, chỉ đạo kịp thời công tác hạch toán kế toán của các kế toán viên, giúp hạn chế được sai sót trong quá trình hạch toán.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm nói trên, công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả tại công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT vẫn còn có một số hạn chế.

- Công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT là một doanh nghiệp thương mại kinh doanh vật liệu xây dựng, sản phẩm của công ty khá đa dạng về chủng loại. Ngoài ra, công ty còn thực hiện cung cấp dịch vụ vận chuyển sản phẩm hàng hoá cho khách hàng có yêu cầu khi mua sản phẩm của công ty thông qua việc thuê xe ngoài vận chuyển. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty chỉ mới theo dõi trên một tài khoản chung là TK 511. Ngoài ra TK 911,641,642 cũng được dùng theo dõi tổng hợp tình hình về các sản phẩm của công ty. Như vậy, công ty sẽ khó có thể theo dõi tình hình doanh thu của từng loại hàng hóa.

- Chi phí đào tạo công tác kế toán còn rất lớn, mặc dù chất lượng lao động ngày càng tăng tuy nhiên đội ngũ lao động lại thiếu kinh nghiệm thực tế.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Quá trình học tập và thời gian tìm hiểu ở công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT tôi nhận thấy công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu nói riêng tại công ty được thực hiện tốt đảm bảo các yêu cầu của quản lý. Điều này đóng góp một phần không nhỏ vào sự thành công của công ty trong thời gian qua.

Thật vậy trong những năm gần đây công ty đã không ngừng phấn đấu vươn lên trong công tác quản lý kinh tế, tăng cường mạng lưới kinh doanh nhằm phục vụ nhu cầu xã hội, để trở thành một trong những công ty cung cấp thường xuyên các mặt hàng thiết yếu trên địa bàn Thừa Thiên Huế và các Tỉnh lân cận.

Trước thực trạng công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh như trên, tôi xin đóng góp một vài giải pháp như sau:

- Giải pháp về hoạt động doanh thu của công ty

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT, tôi thấy TK doanh thu nên mở chi tiết thêm phần doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển sản phẩm hàng hoá, đồng thời sử dụng các tiểu khoản cho từng sản phẩm, cung cấp dịch vụ.

Cũng như TK 511, tôi nghĩ TK 911,641,642 cũng nên mở cho từng đối tượng hàng hóa để theo dõi doanh thu chi phí của từng hàng hóa kinh doanh, từ đó ban quản lý có thể xem xét đối chiếu lựa chọn những mặt hàng kinh doanh được thị trường ưa chuộng, chấp nhận. Để công ty có thể phát triển hơn nữa.

- Giải pháp liên quan đến chất lượng lao động

Hàng năm công ty đã bỏ ra hàng trăm triệu đồng để tuyển nhân viên trong đó nhân viên kế toán chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Khi đã bỏ một số tiền lớn như vậy thì công tác tuyển dụng nên đạt được kết quả cao nhất, để làm được điều đó trước tiên phải hạn chế và phê bình những trường hợp tham ô làm ảnh hưởng đến chất lượng lao động. Đồng thời khi tuyển dụng hãy công nhận những gì họ làm hơn là những gì họ có trên giấy tờ.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành rất quan trọng trong công tác quản lý hạch toán ở các doanh nghiệp sản xuất. Hạch toán kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đầy đủ, chính xác, kịp

thời và đúng đắn là biện pháp tích cực và có hiệu quả nhất, góp phần thúc đẩy nhanh quá trình tuần hoàn vốn, xác định kết quả kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT em nhận thấy công ty đã tổ chức, sắp xếp và dẫn đưa công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh vào nề nếp góp phần mang lại hiệu quả cho hoạt động quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên để công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thật sự trở thành công cụ quản lý kinh tế đặc lực đòi hỏi doanh nghiệp phải tìm ra những giải pháp hữu nghiệm nhằm tổ chức công tác kế toán toàn diện hơn.

Do thời gian thực tập có hạn nên không tránh khỏi những thiếu sót em rất mong được sự góp ý, giúp đỡ của thầy cô giáo cùng cán bộ phòng kế toán tại công ty TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT để bài viết của em hoàn thiện hơn.

Cuối cùng một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Ths- Bùi Thị Hiếu cùng các thầy cô bộ môn kế toán trường Đại Học Dân Lập PHÚ XUÂN. Xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo công ty, các anh chị trong phòng kế toán công ty TNHH MTV NHỰA BAO BÌ VIỆT PHÁT đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp bài tập và lập báo cáo tài chính
(Ban hành theo quyết định số 15/2006/ QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính)

_TS. Phạm Huy Đoán . NXB Tài Chính

2. Kế toán tài chính 1 năm 2007

Tác giả : GVC. Phan Đình Ngân

Ths. HỒ Thị Minh Đức

3. Kế toán tài chính

Tác giả: TS. Phan Đức Dũng

4. 306 sơ đồ kế toán doanh nghiệp năm 2004

Tác giả: TS Võ Văn Nhị

5. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam

6. <http://google.com.vn/>

NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NHẬN XÉT CỦA ĐƠN VỊ SINH VIÊN THỰC TẬP

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Phụ bài, ngày ...tháng... năm 2012

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, đóng dấu)

MỤC LỤC

1.1. Khái niệm3

DANH MỤC SƠ ĐỒ VÀ BẢNG

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ bộ máy quản lý công ty.....[Error: Reference source not found](#)

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán.....[Error: Reference source not found](#)

Sơ đồ 3: Sơ đồ tổ chức công tác kế toán.....[Error: Reference source not found](#)

BẢNG

Bảng 1: Tình hình lao động của công ty qua 3 năm (2009- 2011).....[Error: Reference source not found](#)

Bảng 2: Tình hình tài sản và nguồn vốn của công ty qua 3 năm (2009-2011)....[Error: Reference source not found](#)

Bảng 3: Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT qua 3 năm(2009-2011).....[Error: Reference source not found](#)

[Bảng 4: SỔ CHI TIẾT BAN HÀNG.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 5: SỔ CÁI TK 511.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 6: SỔ CÁI TK 515.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 7:SỔ CÁI TK711.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 8: SỔ CÁI TK532.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 9:SỔ CÁI TK 531.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 10:SỔ CÁI TK 632.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 11: SỔ CÁI TK 365.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 12: SỔ CÁI TK 641.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 13:SỔ CÁI TK 642.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 14: SỔ CÁI TK 811.....Error: Reference source not found](#)

[Bảng 15: SỔ CÁI TK 911.....Error: Reference source not found](#)

DANH MỤC NHỮNG CHỮ VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
MTV	Một thành viên
GTGT	Giá trị gia tăng
KKTX	Kê khai thường xuyên
KKĐK	Kiểm kê định kỳ
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
TS	Tài sản
NV	Nguồn vốn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
TSDH	Tài sản dài hạn
VCSH	vốn chủ sở hữu
ĐVT	Đơn vị tính
TK	Tài khoản
KCN	Khu công nghiệp
VNĐ	Việt nam đồng
BCKQHĐKD	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Lời cảm ơn

Để hoàn thành chuyên đề này, tôi đã trải qua một khoảng thời gian học tập và nghiên cứu tại trường ĐH Phú Xuân. Trong khoảng thời gian đó tôi đã được sự dạy bảo tận tình của các thầy cô, sự giúp đỡ của bạn bè và ban lãnh đạo của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT đã tạo điều kiện cho tôi được thực tập. Nhân đây, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến :

Các thầy, các cô trong trường đại học Phú Xuân, những người đã truyền đạt kiến thức và kinh nghiệm cho tôi trong những năm tháng vừa qua.

Đặc biệt, tôi xin cảm ơn chân thành đến Cô giáo Bùi Thị Hiếu- người đã tận tình giúp đỡ và hướng dẫn tôi để hoàn thành báo cáo thực tập này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên của công ty TNHH MTV Nhựa Bao Bì VIỆT PHÁT đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để tôi học hỏi được nhiều kinh nghiệm thực tế trong suốt thời gian thực tập.

Do hạn chế về thời gian và trình độ chuyên môn nên việc nghiên cứu đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót và sai lầm, tôi rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý Thầy Cô, bạn bè.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2012

Sinh viên

Lê Thị Lệ Quyên